

Số: /BV-CNTT&TT  
Về việc công khai nhu cầu mua sắm  
thiết bị tin học phục vụ bệnh án  
điện tử tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh  
Hà Giang

*Hà Giang, ngày 27 tháng 5 năm 2025*

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước, thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý của tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND tỉnh Hà Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh trực thuộc Sở Y tế tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-SYT ngày 23/12/2024 của Sở Y tế Hà Giang, về việc giao dự toán thu chi Ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Kết luận số 1123-KL/ĐU Kết luận Kỳ họp Ban chấp hành Đảng bộ mở rộng ngày 12/5/2025;

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng thực tế của các khoa, phòng trong toàn Bệnh viện phục vụ công tác khám chữa bệnh.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: mua sắm thiết bị tin học phục vụ bệnh án điện tử tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang. Địa chỉ: Số 11, đường Minh Khai, tổ 10, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đinh Viết Cường – Trưởng Phòng CNTT&TT.
- Cách thức tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:
  - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Số 11, đường Minh Khai, tổ 10, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Đồng thời gửi 01 bản scan và bản mềm file excel hoặc file word báo giá vào zalo theo số điện thoại nêu trên của Ông Đinh Viết Cường – Trưởng Phòng CNTT&TT - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Đến trước 17 giờ, ngày 06 tháng 6 năm 2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày báo giá.

## **II. Nội dung yêu cầu báo giá**

1. Danh mục nhu cầu mua sắm thiết bị tin học; Hệ thống mạng: ***Chi tiết tại Phụ lục 1.***

2. Mẫu báo giá mua sắm thiết bị tin học; Hệ thống mạng phục vụ bệnh án điện tử tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang: ***Chi tiết tại Phụ lục 2.***

Các nhà cung cấp có thể liên hệ với Phòng CNTT&TT của Bệnh viện (Ông Đinh Viết Cường – Trưởng Phòng CNTT&TT – SĐT: 0914282181) để được khảo sát thực tế trước khi báo giá.

Bệnh viện rất mong nhận được báo giá của các nhà cung cấp đúng thời gian nêu trên để mua sắm thiết bị tin học kịp thời./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Đăng website Bệnh viện, Sở Y tế;
- Lưu: VT, Phòng CNTT&TT.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Anh Văn**

**DANH MỤC NHU CẦU MUA SẴM THIẾT BỊ TIN HỌC***(Kèm theo Công văn số**/BV-CNTT&TT ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)*

| <b>TT</b> | <b>Danh mục</b>                              | <b>Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật</b> | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Số lượng/khối lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------|----------------|
|           | <b>I. Thiết bị mạng lõi phòng máy chủ</b>    |                                                                                             |                    |                            |                |
| 1         | Thiết bị chuyển mạch lõi                     |                                                                                             | Bộ                 | 2                          |                |
| 2         | Thiết bị chuyển mạch máy chủ (server switch) |                                                                                             | Bộ                 | 1                          |                |
| 3         | Thiết bị tường lửa                           |                                                                                             | Bộ                 | 1                          |                |
| 4         | Thiết bị cân bằng tải                        |                                                                                             | Bộ                 | 2                          |                |
|           | <b>II. Thiết bị lưu trữ</b>                  |                                                                                             |                    |                            |                |
| 1         | Máy chủ ứng dụng 1                           |                                                                                             | Bộ                 | 1                          |                |
| 2         | Máy chủ ứng dụng 2                           |                                                                                             | Bộ                 | 2                          |                |
| 3         | Máy chủ xét nghiệm                           |                                                                                             | Bộ                 | 1                          |                |
| 4         | Bộ lưu trữ SAN                               |                                                                                             | Bộ                 | 1                          |                |

| TT | Danh mục                                          | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng/khối lượng | Ghi chú |
|----|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|---------|
| 5  | Bộ Lưu trữ NAS                                    |                                                                                      | Bộ          | 1                   |         |
| 6  | SSL cho các phần mềm                              |                                                                                      | Bộ          | 1                   |         |
|    | <b>III. Thiết bị chuyển mạch các toà nhà</b>      |                                                                                      |             |                     |         |
| 1  | Thiết bị chuyển mạch tại các toà nhà              |                                                                                      | Chiếc       | 4                   |         |
| 2  | Thiết bị chuyển mạch tầng tại các toà nhà         |                                                                                      | Chiếc       | 4                   |         |
| 3  | Thiết bị chia các mạng nhỏ tại các toà nhà, tầng. |                                                                                      | Chiếc       | 21                  |         |
|    | <b>IV. Thiết bị khoa chẩn đoán hình ảnh</b>       |                                                                                      |             |                     |         |
| 1  | Máy trạm đọc chẩn đoán hình ảnh                   |                                                                                      | Bộ          | 2                   |         |
| 2  | Máy tính xách tay                                 |                                                                                      | Chiếc       | 2                   |         |
| 3  | Màn hình chuyên dụng                              |                                                                                      | Chiếc       | 2                   |         |
| 4  | Thiết bị thu tín hiệu video độ nét cao chuẩn HDMI |                                                                                      | Chiếc       | 2                   |         |

| TT | Danh mục                                                                           | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng/khối lượng | Ghi chú |
|----|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|---------|
|    | <b>V. Hệ thống camera &amp; wifi</b>                                               |                                                                                      |             |                     |         |
| 1  | Thiết bị chuyển mạch dùng tại tầng của tòa nhà để cấp nguồn PoE cho Wifi và camera |                                                                                      | Chiếc       | 9                   |         |
| 2  | Camera giám sát                                                                    |                                                                                      | Chiếc       | 35                  |         |
| 3  | Đầu ghi hình                                                                       |                                                                                      | Chiếc       | 1                   |         |
| 4  | Máy tính                                                                           |                                                                                      | Bộ          | 1                   |         |
| 5  | Màn hình hiển thị                                                                  |                                                                                      | Chiếc       | 4                   |         |
| 6  | Màn hình chờ (gọi số)                                                              |                                                                                      | Bộ          | 40                  |         |
| 7  | Thiết bị ghép màn hình tivi wall                                                   |                                                                                      | Chiếc       | 2                   |         |
| 8  | Bộ phát sóng wifi toàn bệnh viện                                                   |                                                                                      | Chiếc       | 60                  |         |
|    | <b>VI. Phòng máy chủ</b>                                                           |                                                                                      |             |                     |         |
| 1  | Điều hoà nhiệt độ                                                                  |                                                                                      | Chiếc       | 2                   |         |

| <b>TT</b> | <b>Danh mục</b>                                       | <b>Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật</b> | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Số lượng/khối lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------|----------------|
| 2         | Máy hút ẩm                                            |                                                                                             | Chiếc              | 2                          |                |
| 3         | Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm                           |                                                                                             | Chiếc              | 1                          |                |
| 4         | Hệ thống sàn nâng kỹ thuật                            |                                                                                             | Hệ thống           | 1                          |                |
| 5         | Hệ thống điện, mạng phòng máy chủ                     |                                                                                             | Hệ thống           | 1                          |                |
| 6         | Bộ lưu điện DC                                        |                                                                                             | Bộ                 | 1                          |                |
| 7         | Tủ Rack 42U                                           |                                                                                             | Chiếc              | 1                          |                |
| 8         | Cửa ra vào phòng máy chủ và hệ thống bảo mật, an ninh |                                                                                             | Hệ thống           | 1                          |                |
| 9         | Hệ thống báo cháy, kích hoạt báo cháy                 |                                                                                             | Hệ thống           | 1                          |                |
| 10        | Hệ thống khí chữa cháy                                |                                                                                             | Hệ thống           | 1                          |                |
| 11        | Hệ thống thoát nạn                                    |                                                                                             | Hệ thống           | 1                          |                |
| 12        | Thiết bị chống sét, cắt lọc sét                       |                                                                                             | Hệ thống           | 1                          |                |

| TT | Danh mục                                                                                                                       | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng/khối lượng | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|---------|
| 13 | Hệ thống tiếp địa                                                                                                              |                                                                                      | Hệ thống    | 1                   |         |
|    | <b>VII. Vật tư thi công mạng</b>                                                                                               |                                                                                      |             |                     |         |
| 1  | Cáp mạng                                                                                                                       |                                                                                      | Mét         | 8.065               |         |
| 2  | Cáp quang singlemode hoặc ViCom loại 8Fo kết nối link giữa các tòa nhà                                                         |                                                                                      | Mét         | 2.900               |         |
| 3  | ODF 16port đặt tại tủ rack các tòa nhà để bảo vệ mối hàn cáp quang                                                             |                                                                                      | Bộ          | 5                   |         |
| 4  | Ống nhựa tròn mềm luồn dây cho cáp mạng và cáp quang                                                                           |                                                                                      | Mét         | 13.165              |         |
| 5  | Nẹp luồn dây cáp loại 39x18mm (sử dụng bọc dây cáp mạng và cáp quang tại các vị trí trong phòng làm việc)                      |                                                                                      | Mét         | 8.150               |         |
| 6  | Nẹp luồn dây cáp loại 100x60mm (sử dụng bọc dây cáp mạng và cáp quang tại các vị trí trong phòng làm việc có nhiều dây đi vào) |                                                                                      | Mét         | 513                 |         |
| 7  | Ổ mạng RJ-45 trong phòng                                                                                                       |                                                                                      | Chiếc       | 52                  |         |
| 8  | Vật tư mạng khác (đầu mạng RJ-45, dây rút buộc, dây điện, hạt mạng...)                                                         |                                                                                      | Hệ thống    | 1                   |         |
| 9  | Tủ rack mạng 6U treo tường                                                                                                     |                                                                                      | Chiếc       | 10                  |         |

| <b>TT</b> | <b>Danh mục</b>                           | <b>Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật</b> | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Số lượng/khối lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------|----------------|
| 10        | Ổ cắm điện rack                           |                                                                                             | Chiếc              | 10                         |                |
| 11        | Dây nhảy mạng 10m                         |                                                                                             | Chiếc              | 30                         |                |
| 12        | Dây nhảy quang 10m                        |                                                                                             | Chiếc              | 26                         |                |
|           | <b>VIII.Thiết bị văn phòng</b>            |                                                                                             |                    |                            |                |
| 1         | Kiosk hỗ trợ số xếp hàng tại sảnh lễ tân  |                                                                                             | Hệ thống           | 2                          |                |
| 2         | Đầu đọc vân tay                           |                                                                                             | Bộ                 | 58                         |                |
| 3         | Máy tính trạm (bổ sung cho khoa Lâm sàng) |                                                                                             | Bộ                 | 49                         |                |
| 4         | Máy tính xách tay                         |                                                                                             | Chiếc              | 4                          |                |
| 5         | Xe tiêm điện tử                           |                                                                                             | Bộ                 | 36                         |                |
| 6         | Máy tính bảng                             |                                                                                             | Chiếc              | 26                         |                |
| 7         | Bộ bàn ghế                                |                                                                                             | Bộ                 | 43                         |                |

| TT | Danh mục                                            | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng/khối lượng | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|---------|
| 8  | Ồ cắm điện loại $\geq 5m$                           |                                                                                      | Chiếc       | 54                  |         |
|    | <b>IX. Thiết bị phòng mổ</b>                        |                                                                                      |             |                     |         |
| 1  | Máy tính phòng mổ (máy tính xách tay)               |                                                                                      | Bộ          | 8                   |         |
| 2  | Card bắt hình phòng mổ                              |                                                                                      | Chiếc       | 2                   |         |
| 3  | Xe di động treo tivi (Có camera và CPU để hội chẩn) |                                                                                      | Bộ          | 2                   |         |
| 4  | Màn hình                                            |                                                                                      | Chiếc       | 2                   |         |
| 5  | Bộ bàn, ghế để máy tính xách tay                    |                                                                                      | Bộ          | 8                   |         |
|    | <b>X. Đầu đọc barcode và máy in mã vạch</b>         |                                                                                      |             |                     |         |
| 1  | Máy in mã vạch                                      |                                                                                      | 29          | 29                  |         |
| 2  | Đầu đọc barcode                                     |                                                                                      | 44          | 44                  |         |
| 3  | Máy in hai mặt                                      |                                                                                      | 5           | 5                   |         |

**MẪU BÁO GIÁ**

(Kèm theo Công văn số /BV-CNTT&TT ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)

**BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>**

**Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang, chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị như sau:

**1. Báo giá cho các thiết bị và dịch vụ liên quan**

| STT | Danh mục thiết bị <sup>(2)</sup>                                                                                                                                                                                                                                                      | Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup> | Năm sản xuất <sup>(5)</sup> | Xuất xứ <sup>(6)</sup> | Số lượng/khối lượng <sup>(7)</sup> | Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND) | Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | <b>I. YÊU CẦU CHUNG</b><br>- Năm sản xuất: 2024 trở đi<br>- Đạt các tiêu chuẩn quản lý chất lượng: Iso 13485<br>- Môi trường hoạt động: ???<br>- Xuất xứ (hãng sản xuất, nước sản xuất, hãng nước chủ sở hữu): ???<br>- Thời gian bảo hành: ???<br><b>II. YÊU CẦU KỸ THUẬT CỤ THỂ</b> |                                                        |                             |                        |                                    |                              |                                                        |                                                  |                                  |

|   |                                                                                                                                                                                                                         |  |  |  |  |  |  |  |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|
|   | - Chất lượng: Sản phẩm mới 100%<br>- Nguồn điện: ???<br>- Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ: $\leq 120$ ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng<br><b>III. CẤU HÌNH</b><br>Cấu hình chung: ???<br>Cấu hình cụ thể: ??? |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thiết bị B                                                                                                                                                                                                              |  |  |  |  |  |  |  |  |
| n | ...                                                                                                                                                                                                                     |  |  |  |  |  |  |  |  |

*(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị tin học nếu có)*

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp của báo giá;

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....  
**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Ghi chú:**

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị”.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

*Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.*

*(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.*